

Số: 09 /2016/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ:
Ngày: 22/3/16

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 113/TTr-SNNPTNT ngày 11/3/2016, kèm Văn bản thẩm định số 142/BC-STP ngày 07/3/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này thay thế Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định thực hiện một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày

10/6/2015 của UBND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ cải tạo đất cát hoang hóa, bạc màu ven biển để sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch có liên kết với doanh nghiệp.

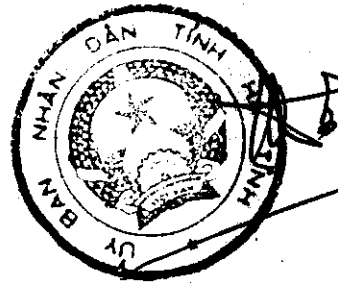
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Công Thương; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Website Chính phủ;
 - Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT;
 - Bí thư, các Phó Bí thư Tỉnh ủy;
 - TTr HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - UBMT Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐDBQH và HĐND tỉnh;
 - UBKT Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông;
 - TTr các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
 - HĐND các huyện, thành phố, thị xã;
 - UBND các huyện, thành phố, thị xã (sao gửi, phổ biến cho UBND các xã, phường, thị trấn);
 - Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
 - Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
 - Các PVP/UBND tỉnh;
 - Các CV VPUBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NL₁, NL.
- Gửi: VB giấy và điện tử. *noth*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

QUY ĐỊNH

Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2016/QĐ-UBND ngày 18 /3/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng, nguyên tắc thực hiện, giải thích từ ngữ, nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Thực hiện theo các điều, khoản quy định tại Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới (viết tắt là Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND); Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND (viết tắt là Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND).

Điều 2. Xây dựng kế hoạch và dự toán

Hàng năm, căn cứ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các nội dung, mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND; các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện, các tổ chức triển khai thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán như sau:

1. UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (kèm theo tài liệu thuyết minh cụ thể về địa điểm, số lượng mô hình, kinh phí đề nghị hỗ trợ...). UBND cấp huyện chủ động báo cáo HĐND cùng cấp xem xét, bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách cấp huyện đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách cấp huyện hằng năm.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (kèm theo tài liệu thuyết minh cụ thể về địa điểm, số lượng mô hình, kinh phí đề nghị hỗ trợ...).

Thời hạn nộp kế hoạch và dự toán: Chậm nhất là ngày 30/10 hằng năm các địa phương, đơn vị nộp kế hoạch và dự toán kinh phí của năm kế tiếp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp toàn bộ kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn toàn tỉnh trước ngày 10/11 hằng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí hằng năm thực hiện chính sách.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí ngân sách tỉnh thực hiện chính sách trong dự toán thu chi ngân sách hằng năm.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong kế hoạch vốn đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương II

QUY ĐỊNH QUY TRÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ

Điều 3. Quy trình thực hiện hỗ trợ đối với các đối tượng do tỉnh kiểm tra và cấp kinh phí hỗ trợ trực tiếp (bao gồm các doanh nghiệp và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở, ban, ngành liên quan).

1. Các tổ chức căn cứ nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND, nộp 02 bộ hồ sơ (hồ sơ bản sao) theo từng nội dung hỗ trợ cụ thể quy định tại Chương III của Quy định này: 01 bộ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 bộ về Sở Tài chính.

2. Thời gian nhận hồ sơ: Được chia thành 02 đợt/năm.

Đợt 1: Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 01/6 đến 10/6;

Đợt 2: Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 01/11 đến 10/11.

3. Căn cứ Tờ trình (bản chính) và hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra nghiệm thu, sau 7 ngày kết thúc đợt kiểm tra nghiệm thu, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ theo quy định.

4. Sau khi có quyết định phân bổ của UBND tỉnh, Sở Tài chính căn cứ vào các hồ sơ liên quan, thực hiện cấp phát và thanh quyết toán theo chế độ quy định.

5. Thực hiện quyết toán hỗ trợ: Hằng năm các đơn vị được hỗ trợ thực hiện báo cáo quyết toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ và gửi Sở Tài chính trước ngày 31/01 của năm liền kề; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra việc sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ của đơn vị.

Điều 4. Quy trình thực hiện hỗ trợ đối với các đối tượng do UBND cấp huyện kiểm tra nghiệm thu, ban hành quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ trực tiếp.

1. Các tổ chức, cá nhân căn cứ nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết 90/2014/NO-HĐND và Nghị quyết 157/2015/NO-HĐND đăng ký kế hoạch với

UBND cấp xã, khi thực hiện hoàn thành báo cáo UBND cấp xã và nộp 01 bộ hồ sơ (hồ sơ bản sao) theo từng nội dung hỗ trợ cụ thể quy định tại Chương III của Quy định này về UBND cấp xã (khi nộp hồ sơ mang theo bản gốc để đối chiếu); UBND cấp xã xem xét, tổng hợp và lập Tờ trình gửi UBND cấp huyện, kèm theo bảng tổng hợp thể hiện nội dung, quy mô, đối tượng, địa điểm, kinh phí thực hiện và hồ sơ (bản sao) của tổ chức, cá nhân.

Trên cơ sở kế hoạch và dự toán lập, các địa phương thực hiện nghiệm thu, phê duyệt quyết định đề xuất hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách.

2. Căn cứ Tờ trình đề nghị hỗ trợ của UBND cấp xã và hồ sơ của các tổ chức, cá nhân, UBND cấp huyện tiến hành kiểm tra, nghiệm thu, ban hành quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và lập Tờ trình đề nghị UBND tỉnh cấp ứng 70% kinh phí.

3. Thời gian nhận hồ sơ: Được chia thành 02 đợt/năm.

UBND cấp huyện nộp 01 bộ hồ sơ (bản chính) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 01 bộ hồ sơ (bản chính) về Sở Tài chính gồm: Tờ trình đề nghị cấp ứng 70% kinh phí thực hiện chính sách; Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, kèm theo bảng tổng hợp chi tiết đối tượng, nội dung, địa điểm, kinh phí thực hiện.

Đợt 1: Từ ngày 01/6 đến 10/6;

Đợt 2: Từ ngày 01/11 đến 10/11.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xem xét, tham mưu UBND tỉnh cấp ứng 70% kinh phí sau khi nhận được Tờ trình, Quyết định phân bổ của UBND cấp huyện; sau khi có Quyết định cấp ứng kinh phí của UBND tỉnh, trong vòng 10 ngày, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Đoàn liên ngành phúc tra, kiểm tra kết quả nghiệm thu, phân bổ kinh phí thực hiện chính sách của UBND cấp huyện.

Số kinh phí còn lại (30%) được cấp sau khi Đoàn liên ngành hoàn thành phúc tra, kiểm tra (nếu thực hiện đúng quy định) và UBND cấp huyện có báo cáo quyết toán các nội dung hỗ trợ. Trường hợp phát hiện việc đề nghị hỗ trợ sai quy định thì Sở Tài chính kịp thời tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi số kinh phí đã chi sai quy định và UBND cấp huyện phải tự đảm bảo 30% số kinh phí còn lại (của tổng kinh phí nghiệm thu hỗ trợ đúng quy định) để chi trả cho các đối tượng được hưởng chính sách trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Thực hiện quyết toán hỗ trợ: Hằng năm các huyện, thành phố, thị xã được hỗ trợ thực hiện báo cáo quyết toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ và gửi Sở Tài chính trước ngày 31/01 của năm liền kề; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra việc sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ của các địa phương.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ THỦ TỤC

Điều 5. Hồ sơ bắt buộc chung: Tờ trình (hoặc đơn) đề nghị hỗ trợ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (bản chính).

Đồng thời, tùy theo từng nội dung hỗ trợ cụ thể yêu cầu có các hồ sơ quy định tại các điều, khoản sau:

Điều 6. Hồ trợ đất đai, mặt nước, giải phóng mặt bằng (Điều 4 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND):

1. Điều kiện được hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng;

- Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng của cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hồ sơ chi trả kinh phí bồi thường cho các đối tượng có xác nhận của UBND cấp xã.

* Trường hợp tự bồi thường giải phóng mặt bằng hồ sơ gồm:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng;

- Văn bản xác nhận kết quả bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND cấp huyện; Hồ sơ chi trả kinh phí bồi thường cho các đối tượng có xác nhận của UBND cấp xã.

Điều 7. Hồ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào (Điều 5 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND):

1. Điều kiện được hỗ trợ: Ngoài các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND, các tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Vùng chăn nuôi tập trung: Là vùng thuộc quy hoạch do UBND tỉnh phê duyệt; đã có 5 hộ trở lên và có tổng doanh thu tối thiểu 5 tỷ đồng/năm. Vùng chuyển đổi từ nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi tôm thâm canh có quy mô 5 ha/vùng trở lên và 5 hộ tham gia sản xuất trở lên; “5 hộ” ở đây được hiểu là 5 hộ hoặc 5 cá nhân, trang trại, tổ chức đầu tư vốn sản xuất, kinh doanh độc lập.

- Các cơ sở: Chăn nuôi, nuôi tôm trên cát, nuôi tôm ao đất, làng nghề, chế biến có doanh thu của cơ sở tối thiểu 5 tỷ đồng/năm theo phương án hoặc dự án được duyệt (đối với cơ sở gia công không bao gồm phần doanh thu của đơn vị liên kết với cơ sở).

- Hồ trợ đường điện ngoài hàng rào bao gồm: Trạm biến áp và hệ thống đường điện đến trạm biến áp.

- Quy định hệ thống công trình xử lý môi trường: Đối với vùng chăn nuôi tập trung, cơ sở chăn nuôi bao gồm: Biogas, hồ lắng sinh học, hồ tùy nghi (yếm và kỵ khí), hồ thủy sinh, hệ thống công trình thoát nước thải sau biogas, đê mốt

sinh học phải đảm bảo tiêu chuẩn. Đối với cơ sở chế biến, làng nghề: Bể lắng, lọc, bể xử lý vi sinh, bể xử lý hoá chất, xử lý bụi, xử lý mùi. Đối với vùng nuôi tôm, cơ sở nuôi tôm trên cát, nuôi tôm ao đất bao gồm: Hệ thống ao chứa lắng, ao xử lý nước thải, chất thải...

2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Riêng nội dung hỗ trợ đường điện dự toán phải được Sở Công Thương thẩm định; hỗ trợ đường giao thông dự toán phải được Sở Xây dựng thẩm định;

- Hợp đồng thuê đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thanh lý hợp đồng; hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí có liên quan (trường hợp tự thực hiện thì có thiết kế định hình và biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành).

- Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Hỗ trợ củng cố và phát triển các loại hình tổ chức sản xuất (Điều 6 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND và Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND).

1. Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã:

a) Điều kiện hỗ trợ: HTX thành lập mới theo Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012, được hỗ trợ sau 01 năm thành lập có định hướng hoạt động hiệu quả, do UBND cấp xã xác nhận.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Văn bản xác nhận hợp tác xã có định hướng hoạt động hiệu quả của UBND cấp xã.

2. Thành lập mới tổ hợp tác khai thác thủy sản:

a) Điều kiện hỗ trợ:

Ngoài các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác, các tổ hợp tác thành lập mới còn phải đáp ứng các điều kiện: Tổ hợp tác có từ 06 chủ tàu cá trở lên, mỗi tàu có công suất từ 40CV trở lên cùng một địa phương (huyện, xã) hoạt động trên cùng một ngư trường.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng hợp tác có chứng thực của UBND cấp xã (theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực của thành viên tổ hợp tác.

3. Thành lập mới Hiệp hội.

a) Điều kiện hỗ trợ: Điều kiện thành lập Hiệp hội thực hiện theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; hiệp hội hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Quyết định công nhận thành lập Hiệp hội của cấp có thẩm quyền.

4. Thành lập mới Nghiệp đoàn nghề cá.

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Nghiệp đoàn nghề cá có từ 200 đoàn viên trở lên;
- Đoàn viên tham gia là các chủ tàu cá, người lao động hoạt động khai thác thủy sản tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Quy chế hoạt động Nghiệp đoàn nghề cá; Quyết định thành lập Nghiệp đoàn nghề cá của Liên đoàn Lao động cấp huyện.

5. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cán bộ HTX.

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBND tỉnh về tổ chức đào tạo, tập huấn.

Điều 9. Hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, môi trường nông thôn (Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND):

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình vườn mẫu:

a) Quy trình thực hiện:

Hộ gia đình đăng ký, Ban Quản lý nông thôn mới xã lựa chọn, thẩm định Phương án - Dự toán (có sự thống nhất của phòng chuyên môn cấp huyện), phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Khi đạt 5 tiêu chí vườn mẫu quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND tỉnh, hộ gia đình đề xuất Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã nghiệm thu và lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Văn bản thống nhất của phòng chuyên môn cấp huyện về phương án xây dựng mô hình mẫu phát triển kinh tế vườn hộ;
- Quyết định phê duyệt Phương án - Dự toán xây dựng mô hình mẫu phát triển kinh tế vườn hộ và Biên bản nghiệm thu của Ban Quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã.

2. Hỗ trợ xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu:

a) Quy trình thực hiện:

Thôn đăng ký, Ban Quản lý Chương trình nông thôn mới xã lựa chọn, xây dựng Phương án - Dự toán (có sự thống nhất của phòng chuyên môn cấp huyện), phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Ưu tiên phát triển kinh tế vườn hộ, hàng rào xanh, vệ sinh môi trường, sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, xử lý môi trường; hỗ trợ người dân, cộng đồng chính trang các công trình phúc lợi chung (không được sử dụng kinh phí này để xây dựng mới hạ tầng như: Kênh mương, đường giao thông, nhà văn hóa...).

Sau khi có khối lượng hoàn thành đạt 30% trở lên thì được cấp ứng không quá 70% mức kinh phí hỗ trợ, kinh phí còn lại được hỗ trợ khi có Quyết định của UBND cấp huyện công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt chuẩn theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Hồ sơ cấp ứng:

- Quyết định phê duyệt phương án và dự toán xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của UBND xã;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn của Ban Quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã.

c) Hồ sơ thanh toán sau khi hoàn thành:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của Ban Quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã;

- Quyết định công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp huyện.

3. Hỗ trợ xây dựng công trình xử lý rác thải.

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Công trình quy mô đảm bảo phục vụ ít nhất 01 xã, sử dụng quy trình công nghệ tiên tiến (riêng đối với công nghệ lò đốt phải có ý kiến thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường). Lập dự án hoặc phương án công trình xử lý rác thải được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện, sau khi có khối lượng hoàn thành đạt 70% trở lên thì được cấp ứng không quá 50% tổng kinh phí của khối lượng hoàn thành nêu trên nhưng không quá 50% mức hỗ trợ tối đa, số kinh phí còn lại được cấp sau khi công trình hoàn thành đưa vào hoạt động và có báo cáo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hồ sơ cấp ứng và hồ sơ hỗ trợ sau khi hoàn thành đưa vào hoạt động:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Ý kiến bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với công trình sử dụng công nghệ lò đốt;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn; hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí có liên quan (đối với cấp ứng);

- Hồ sơ quyết toán kinh phí xây dựng công trình xử lý rác thải (sau khi hoàn thành đưa vào hoạt động).

Điều 10. Hỗ trợ lãi suất vốn vay

Điều kiện, hồ sơ thủ tục thực hiện theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 11. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

Điều 12. Chính sách rau, củ, quả (Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 157/2014/NQ-HĐND)

1. Điều kiện hỗ trợ:

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao trên vùng đất cát ven biển theo quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, các vùng được UBND tỉnh cho phép bổ sung và vùng bãi bồi (phải có Văn bản xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), quy mô tối thiểu 02ha/vùng đạt tiêu chuẩn VietGAP, có hợp đồng sản xuất và tiêu thụ, được hỗ trợ 1 lần khi hoàn thành tất cả các hạng mục

và được cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP do Tổ chức có đủ điều kiện cấp theo quy định.

- Danh mục các loại rau, củ, quả: Cải bẹ, củ cải, cải thảo, bắp cải, su hào, bầu bí các loại, mướp đắng, cà chua, dưa các loại, cà các loại, các loại đậu thực phẩm, hành các loại, ớt các loại, cà rốt, măng tây. Đối với các loại rau củ quả mới không nằm trong danh mục này phải có văn bản đồng ý của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Hỗ trợ hạ tầng bao gồm: San lấp, đào mương thoát, làm phẳng mặt bằng, đào hồ chứa nước hoặc giếng nước, lắp đặt hệ thống tưới. Hệ thống tưới, tiêu đảm bảo theo thiết kế mẫu do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Thực hiện quy trình sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống (định mức giống thực hiện theo Quy trình tạm thời hoặc hướng dẫn kỹ thuật sản xuất rau, củ, quả của từng loại cây trồng do đơn vị cung ứng giống cung cấp); thuốc bảo vệ thực vật (trong danh mục được phép sử dụng trên rau, củ, quả).

2. Hồ sơ hỗ trợ:

a) Đối với kinh phí mua giống, thuốc bảo vệ thực vật:

- Kế hoạch về diện tích trồng rau củ quả của doanh nghiệp, của UBND cấp huyện (đối với hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân);

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua bán giống, thuốc bảo vệ thực vật với đơn vị cung ứng (kèm theo hóa đơn tài chính);

b) Đối với san lấp, làm phẳng mặt bằng:

- Hợp đồng thuê đất hoặc giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với đơn vị thực hiện san lấp, làm phẳng mặt bằng (kèm theo bảng kê khối lượng thực hiện theo giờ hoặc ca san lấp và hóa đơn tài chính nếu có).

c) Đối với hệ thống tưới:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với đơn vị thực hiện lắp đặt hệ thống tưới, kèm theo bảng kê giá trị các vật tư, thiết bị thực hiện (đối với các tổ chức, cá nhân hợp đồng với đơn vị lắp đặt hệ thống tưới);

- Quyết toán kinh phí thực hiện lắp đặt hệ thống tưới của đơn vị, kèm theo hóa đơn chứng từ của vật tư, thiết bị (đối với các doanh nghiệp tự lắp đặt hệ thống tưới);

- Tổng hợp kinh phí thực hiện lắp đặt hệ thống tưới, kèm theo hóa đơn, chứng từ của vật tư, thiết bị (đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân tự lắp đặt hệ thống tưới).

d) Đối với chứng nhận VietGAP

Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP do Tổ chức có đủ điều kiện cấp theo quy định.

Điều 13. Chính sách lúa (hỗ trợ sản xuất giống):

1. Điều kiện hỗ trợ: Các doanh nghiệp trong tỉnh đủ điều kiện sản xuất giống lúa theo quy định pháp luật hiện hành, được hỗ trợ sau khi hoàn thành việc mua bản quyền giống phù hợp với cơ cấu giống của tỉnh.

2. Hồ sơ hỗ trợ: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với đơn vị cung ứng bản quyền giống (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có).

Điều 14. Chính sách lạc (hỗ trợ du nhập, khảo nghiệm giống lạc mới).

1. Điều kiện hỗ trợ:

- Các tổ chức, cá nhân du nhập, khảo nghiệm giống lạc mới được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận;

- Trình tự, thủ tục khảo nghiệm tuân thủ đúng quy định tại Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 27/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Văn bản chấp thuận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho các tổ chức, cá nhân du nhập, khảo nghiệm giống lạc mới;

- Phương án và dự toán khảo nghiệm được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

- Tờ trình xin khảo nghiệm của tổ chức, cá nhân; Tờ khai kỹ thuật của giống đăng ký khảo nghiệm và báo cáo kết quả khảo nghiệm;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân được khảo nghiệm với HTX, THT, hộ gia đình (nếu thuê HTX, THT, hộ gia đình khảo nghiệm); hồ sơ, chứng từ chứng minh chi phí liên quan.

Điều 15. Chính sách cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch (Điều 13 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

1. Hỗ trợ bình tuyển cây đầu dòng

- Đối với nội dung điều tra, đánh giá hiện trạng thực hiện theo Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính và Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 18/11/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối với nội dung bình tuyển cây đầu dòng thực hiện theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm và các văn bản liên quan khác.

- Đối với phân tích, giám định mẫu (bệnh greening, tristeza, hàm lượng vitamin, đường tổng số...) căn cứ vào hóa đơn tài chính của cơ quan phân tích giám định mẫu.

Trên cơ sở kế hoạch, dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính chủ động cấp ứng 70% kinh phí để triển khai thực hiện.

2. Hỗ trợ quản lý, chăm sóc, bảo vệ, theo dõi cây đầu dòng

a) Điều kiện hỗ trợ: Cây đầu dòng cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch được tuyển chọn thông qua bình tuyển và được cấp có thẩm quyền công nhận.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Văn bản công nhận là cây đầu dòng của cấp có thẩm quyền;

- Văn bản xác nhận hộ đang quản lý, chăm sóc, bảo vệ cây đầu dòng của UBND cấp xã.

3. Hỗ trợ xây dựng nhà lưới

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện xây dựng nhà lưới theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mới nhà lưới (kèm theo hóa đơn hoặc chứng từ chứng minh các chi phí có liên quan); Trường hợp tự thực hiện thì có biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành, chứng từ chứng minh các chi phí có liên quan.

- Giấy phép sản xuất, kinh doanh giống cây trồng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Biên bản kiểm tra phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng của cơ quan có thẩm quyền (nếu cơ sở sản xuất kinh doanh là HTX, hộ gia đình thì biên bản kiểm tra phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh của Đoàn liên ngành cấp huyện; nếu cơ sở sản xuất kinh doanh là doanh nghiệp thì biên bản kiểm tra phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh của Đoàn liên ngành cấp tỉnh).

4. Hỗ trợ kinh phí phá bỏ vườn cây cam bù bị nhiễm bệnh Greening

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Là vườn cây có diện tích tối thiểu 500m² đã cho thu hoạch, có 50% số cây bị nhiễm bệnh Greening, nằm trong vùng quy hoạch sản xuất cây cam bù, được cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hoặc Hội đồng chuyên môn cấp huyện xác nhận;

- Cây cam bù bị nhiễm bệnh Greening được hỗ trợ: Là cây đã cho thu hoạch trồng tại vườn theo quy định trên và được Hội đồng hay cơ quan chuyên môn cấp huyện xác nhận.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Quyết định hủy bỏ số cây cam bù bị nhiễm bệnh Greening của UBND cấp huyện;

- Văn bản hoặc biên bản đánh giá xác định số cây, vườn cây đã nhiễm bệnh Greening của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hoặc Hội đồng chuyên môn cấp huyện.

5. Hỗ trợ trồng mới.

a) Điều kiện hỗ trợ: Diện tích trồng mới cây cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch phải nằm trong quy hoạch được cấp tỉnh hoặc cấp huyện phê duyệt hoặc nằm trong vùng chỉ dẫn địa lý; có quy mô tập trung từ 1.000m² trở lên (định mức 50 cây/1.000m² đối với cam bù, cam chanh; 40 cây/1.000m² đối với bưởi Phúc Trạch).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây ăn quả lâu năm phải đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật và các yêu cầu quản lý chất lượng cây giống theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 18/2012/TT-BNN ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm. Cây giống phải đạt tiêu chuẩn theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9302:2013 Cây giống cam, quýt, bưởi - Yêu cầu kỹ thuật.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Đối với trường hợp mua cây giống: Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng mua cây giống giữa hộ và các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây ăn quả đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh; hóa đơn tài chính (nếu có). Nếu mua tại cơ sở sản xuất kinh doanh là HTX, hộ gia đình bổ sung thêm hồ sơ: Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở đủ điều kiện đảm bảo chất lượng của Đoàn kiểm tra liên ngành cấp huyện (theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT);

Nếu mua tại cơ sở sản xuất kinh doanh là doanh nghiệp bổ sung thêm hồ sơ: Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở đủ điều kiện đảm bảo chất lượng của Đoàn liên ngành cấp tỉnh (theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Đối với trường hợp tự sản xuất cây giống phục vụ trồng mới: Bàn cam kết chất lượng, tiêu chuẩn cây giống phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9302:2013 của tổ chức, cá nhân tự sản xuất giống, có xác nhận của UBND cấp xã.

6. Hỗ trợ tập huấn, chuyển giao kỹ thuật

a) Điều kiện hỗ trợ: Nội dung tập huấn giải pháp về giống, kỹ thuật để tạo sự đồng nhất về chất lượng sản phẩm cam bùi, cam chanh, bưởi Phúc Trạch (gồm cả chuyển giao kỹ thuật thụ phấn bổ sung).

Trên cơ sở kế hoạch, dự toán các đơn vị liên quan lập, Sở Tài chính chủ động cấp ứng 70% kinh phí để triển khai thực hiện.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBND tỉnh về tổ chức đào tạo, tập huấn.

7. Hỗ trợ chứng nhận VietGAP

a) Điều kiện hỗ trợ:

Các tổ chức, cá nhân có hợp đồng thu mua sản phẩm từ đầu vụ với các hộ dân, lượng thu mua tối thiểu 100 tấn/năm; được hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định.

- Hợp đồng thu mua sản phẩm từ đầu vụ sản xuất với hộ nông dân.

8. Hồ sơ hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới (Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

- Bản đánh giá, nhận xét hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (theo thiết kế định hình mẫu) của UBND cấp xã;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng lắp đặt hệ thống tưới, hóa đơn tài chính (đối với trường hợp thuê đơn vị lắp đặt hệ thống tưới);

- Bảng tổng hợp các chi phí thực hiện lắp đặt hệ thống tưới, các hóa đơn, chứng từ chứng minh các chi phí đó (đối với trường hợp tự lắp đặt hệ thống tưới).

Điều 16. Chính sách năm

1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND.

2. Hồ sơ hỗ trợ:

a) Đối với hỗ trợ mua giống

Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua bán giống nầm (kèm theo hóa đơn hoặc chứng từ chứng minh các chi phí có liên quan).

b) Đối với hỗ trợ làm lán trại sản xuất

Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng lán trại, kèm theo hóa đơn hoặc chứng từ chứng minh các chi phí có liên quan (nếu thuê xây dựng).

c) Đối với mua máy móc thiết bị sản xuất giống, chế biến

- Phương án sản xuất, chế biến nầm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua máy móc thiết bị sản xuất giống, chế biến (kèm theo hóa đơn tài chính).

Điều 17. Chính sách chè

1. Điều kiện hỗ trợ:

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư trồng chè công nghiệp nằm trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt;

- Giống chè bằng các giống dâm cành, năng suất, chất lượng cao, định mức không quá 18.000 bầu/ha;

- Diện tích chè kinh doanh hết chu kỳ kinh tế đã được thanh lý cần phải đào gốc, thu gom cây, gốc, rễ làm đất để trồng mới lại chè trên diện tích đó thì được hưởng chính sách hỗ trợ như đối với hỗ trợ khai hoang;

- Kinh phí hỗ trợ các nội dung trồng chè tối đa không quá mức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND tỉnh.

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo thiết kế định hình mẫu được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Hồ sơ hỗ trợ:

a) Hỗ trợ khai hoang, phục hóa đất và bầu giống chè:

- Kế hoạch diện tích trồng mới chè của UBND cấp huyện, các tổ chức (doanh nghiệp, tổng đội, Ban...);

- Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ chè giữa các hộ dân với các tổ chức có xác nhận của UBND cấp xã;

- Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng khai hoang, phục hóa giữa tổ chức với hộ gia đình, cá nhân, tổ, đội có xác nhận của UBND cấp xã (nếu các hộ gia đình, cá nhân, tổ, đội tự khai hoang, phục hóa);

- Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng khai hoang, phục hóa giữa tổ chức với đơn vị nhận khai hoang, phục hóa có xác nhận của UBND cấp xã (nếu thuê khai hoang, phục hóa), kèm theo bảng kê khối lượng thực hiện theo giờ hoặc ca khai hoang, phục hóa và hóa đơn tài chính (nếu có);

- Bảng tổng hợp diện tích đã khai hoang, phục hóa có ký xác nhận của hộ;

- Bảng kê số lượng cây giống các hộ dân ký nhận, kèm theo hóa đơn tài chính (đối với đơn vị mua cây giống); Phương án, kế hoạch sản xuất giống chè; Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện sản xuất giống chè (đối với các đơn vị tự sản xuất cây giống).

b) Hồ sơ hỗ trợ hệ thống tưới: Thực hiện theo Khoản 8 Điều 15 của Quy định kèm theo Quyết định này.

Điều 18. Hỗ trợ cơ giới hóa trong nông nghiệp, sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP

1. Hỗ trợ cơ giới hóa trong nông nghiệp (Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết 157/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ: Ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND, còn đảm bảo các điều kiện sau:

- Các tổ chức, cá nhân mua máy phải đăng ký trước với UBND cấp xã. Các cá nhân tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác đã được hỗ trợ chính sách cơ giới hóa thì không được hỗ trợ tiếp theo Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND.

- Giao UBND cấp huyện cân đối chung và xây dựng kế hoạch số lượng máy được hỗ trợ cho từng xã và toàn huyện theo định mức 100 ha diện tích sản xuất lúa được hỗ trợ 1 máy gặt đập liên hợp; 50 ha diện tích sản xuất lúa, màu được hỗ trợ 1 máy làm đất để triển khai thực hiện; Quy đổi để tính số máy làm đất hiện có: Cứ 05 máy làm đất có công suất dưới 23 mã lực tương ứng 01 máy làm đất có công suất từ 23 mã lực trở lên. Máy kéo kèm theo các bộ phận công tác đồng bộ để thực hiện chức năng làm đất thì được hiểu là máy làm đất.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc mua máy (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Thông báo giá của ít nhất 2 đơn vị cung ứng;

- Bản cam kết của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ máy về thời gian phục vụ trên địa bàn có xác nhận của UBND xã.

2. Hỗ trợ sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP hoặc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, với quy mô tối thiểu 02 ha/vùng (trừ rau, củ, quả công nghệ cao), có phương án được UBND cấp xã phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện;

- Hỗ trợ kinh phí để phân tích mẫu đất, nước, chuyên giao kỹ thuật, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Phương án sản xuất được UBND cấp xã phê duyệt;

- Văn bản của UBND cấp huyện về thống nhất phương án sản xuất;

- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận cơ sở (vùng) sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 59/2012/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thông báo kết quả giám định mẫu sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (hàm lượng Ni- rát-NO_3^- , dư lượng một số chỉ tiêu thuốc bảo vệ thực vật) của vụ sản xuất đầu tiên.

- Hóa đơn, chứng từ chứng minh việc triển khai xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất.

Điều 19. Chính sách hỗ trợ tích tụ ruộng đất (Khoản 8 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

1. Đối với việc tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất cây hàng năm

a) Điều kiện hỗ trợ: Quy mô thuê đất phải tập trung tối thiểu 5ha/vùng (liền thửa), thời hạn thuê đất 5 năm trở lên. Diện tích đất sau khi thuê lại phải được sản xuất các loại cây trồng có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân cho thuê đất.
- Hợp đồng thuê đất của tổ chức, cá nhân thuê đất và bên cho thuê đất (có xác nhận của UBND xã nơi thuê đất).

- Kế hoạch sản xuất của tổ chức, cá nhân thuê lại đất.

2. Đối với việc chuyển quyền sử dụng đất sản xuất cây hàng năm:

a) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân nhận quyền chuyển nhượng đất sản xuất cây hàng năm trong giới hạn hạn điền để hình thành vùng sản xuất quy mô tối thiểu 2 ha liền vùng, liền thửa. Mỗi huyện triển khai thí điểm 1 - 2 vùng. Diện tích đất sau khi nhận quyền chuyển nhượng đất phải được sản xuất các sản phẩm chủ lực của các loại cây trồng hàng năm có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau khi nhận chuyển nhượng).

- Kế hoạch sản xuất của tổ chức, cá nhân nhận quyền chuyển nhượng đất.

Điều 20. Hỗ trợ trồng cây thức ăn chăn nuôi, cây dược liệu (Khoản 9 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND).

1. Chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn chăn nuôi

a) Điều kiện hỗ trợ: Hỗ trợ chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm đất bỏ hoang, đất màu, đất trồng cây nông nghiệp lâu năm) kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn chăn nuôi có liên kết với doanh nghiệp, quy mô tối thiểu 1ha liền vùng, liền thửa trở lên. Chúng loại cây thức ăn chăn nuôi gồm: Ngô, cỏ các loại, cao lương. Hỗ trợ trong 1 năm đầu.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Kế hoạch chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn chăn nuôi của UBND xã.

- Hợp đồng kinh tế về liên kết sản xuất cây thức ăn chăn nuôi giữa tổ chức, cá nhân với doanh nghiệp.

- Bảng tổng hợp diện tích sản xuất cây thức ăn chăn nuôi có ký xác nhận của hộ (đối với trường hợp nhóm hộ liên kết với doanh nghiệp).

- Đối với hộ mua giống: Bảng kê số lượng giống các hộ dân ký nhận, kèm theo hóa đơn tài chính (nếu có). Đối với giống cỏ nếu tự sản xuất phải có phương án, kế hoạch sản xuất giống cỏ.

2. Hỗ trợ hệ thống tưới

a) Điều kiện hỗ trợ:

Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo thiết kế định hình mẫu được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 8 Điều 15 của Quy định kèm theo Quyết định này.

3. Hỗ trợ trồng cây dược liệu liên kết

a) Điều kiện hỗ trợ: Có liên kết với doanh nghiệp, quy mô tối thiểu 2 ha liền vùng, liền thửa trở lên. Hỗ trợ trong 01 vụ sản xuất đầu. Các loại cây dược liệu gồm: Mộc hoa trắng, kim tiền thảo, mã đề, xích đồng nam, gừng, nghệ. Đối với các loại cây dược liệu mới không nằm trong danh mục này phải có văn bản đồng ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Kế hoạch sản xuất cây dược liệu của UBND xã.
- Hợp đồng kinh tế về liên kết sản xuất cây dược liệu giữa tổ chức, cá nhân với doanh nghiệp.
- Bảng tổng hợp diện tích sản xuất cây dược liệu có ký xác nhận của hộ (đối với trường hợp nhóm hộ liên kết với doanh nghiệp);
- Bảng kê số lượng giống, phân bón các hộ dân ký nhận, kèm theo hóa đơn tài chính.

Điều 21. Chính sách phát triển chăn nuôi lợn

1. Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên.

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Cơ sở chăn nuôi lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên xây dựng mới; trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh, có diện tích tối thiểu 3ha ở đồng bằng, 5ha ở miền núi; được hỗ trợ 01 lần sau khi hoàn thành: Xây dựng quy hoạch chi tiết, hạ tầng chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định và đi vào hoạt động.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài phải có cam kết liên kết với hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ, đồng thời có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi và đáp ứng các quy định của UBND tỉnh.

Trường hợp cơ sở lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên đã được hưởng chính sách nằm trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, tiếp tục mở rộng quy mô thêm 100 nái trở lên, được hỗ trợ 50% theo các mức hỗ trợ xây dựng mới cho số nái tăng thêm để xây dựng hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định; được hỗ trợ sau khi hoàn thành các hạng mục trên và đi vào hoạt động.

Trường hợp cơ sở lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên đã được hưởng chính sách nằm trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, tiếp tục mở rộng xây dựng mới chuồng trại (đầy đủ các hạng mục như cơ sở mới) thêm 300 nái trở lên vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ như cơ sở chăn nuôi lợn nái xây dựng mới.

Trường hợp các tổ chức, cá nhân chuyển từ trại nuôi lợn thương phẩm sang trại nuôi lợn nái quy mô 300 con trở lên vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ như cơ sở chăn nuôi lợn nái xây dựng mới nhưng phải trừ đi phần đã hỗ trợ trại nuôi lợn thương phẩm.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

* Đối với cơ sở xây dựng mới:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất có ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện; Quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở có diện tích trên 5ha;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua lợn giống ông bà, bố mẹ;

- Hồ sơ nguồn gốc giống: Lý lịch lợn nái ghi rõ giống; số hiệu; giống cấp ông bà, bố mẹ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu nhập ngoại);

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mới các hạng mục được hỗ trợ: Chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Phiếu xuất bán, bảng kê số lượng lợn giống thương phẩm xuất bán cho liên kết chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ và các chứng từ khác có liên quan (đối với hỗ trợ lợn giống thương phẩm xuất bán hằng năm).

* Trường hợp các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hoặc liên kết với doanh nghiệp nước ngoài:

Ngoài hồ sơ, thủ tục như đối với cơ sở chăn nuôi lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ xây dựng mới nêu trên, còn có các hồ sơ sau:

- Hợp đồng hoặc bản cam kết của doanh nghiệp, cơ sở (có xác nhận của UBND cấp xã) liên kết (bán con giống) với hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ trong thời gian ít nhất 05 năm;

- Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho liên kết chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ.

* Trường hợp mở rộng quy mô thêm 100 nái trở lên:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý mua lợn giống ông bà, bố mẹ;

- Hồ sơ nguồn gốc giống: Lý lịch lợn nái ghi rõ giống; số hiệu; giống cấp ông bà, bố mẹ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu nhập ngoại);

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mở rộng các hạng mục được hỗ trợ: Chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

* Hỗ trợ 50% kinh phí để xét nghiệm các bệnh phải kiểm tra định kỳ (Điểm a Khoản 10 Điều 1 Nghị quyết 157/2014/NQ-HĐND)

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng lấy mẫu, xét nghiệm; phiếu trả lời kết quả xét nghiệm của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền.

- Biên bản kiểm tra các bệnh của Chi cục Chăn nuôi và Thú y (theo quy định tại Thông tư số 44/2014/TT-BNNPTNT ngày 01/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

* Hỗ trợ mua các loại vắc xin, thuốc phòng chữa bệnh và hóa chất tiêu độc khử trùng (áp dụng cho cơ sở chăn nuôi lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung; cung cấp con giống cho chăn nuôi liên kết quy mô vừa và nhỏ; căn cứ số lợn con thương phẩm thực tế bán cho các cơ sở chăn nuôi liên kết trong năm để tính số lợn nái được hỗ trợ (định mức tối thiểu 17 lợn con cai sữa/nái/năm).

Hồ sơ gồm:

- Phiếu xuất bán lợn giống thương phẩm cho các cơ sở chăn nuôi liên kết quy mô vừa và nhỏ và các chứng từ liên quan khác;

- Hoá đơn, chứng từ mua vắc xin, thuốc phòng chữa bệnh và hoá chất tiêu độc khử trùng;

- Báo cáo tổng hợp kết quả sử dụng các loại vắc xin, thuốc phòng chữa bệnh và hoá chất tiêu độc khử trùng.

* Hỗ trợ cơ sở sản xuất giống xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng lấy mẫu, xét nghiệm; hoá đơn, chứng từ thu phí, lệ phí thẩm định; Chứng từ chứng minh công tác chỉ đạo, quản lý;

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch do Cục Thú y cấp.

2. Hỗ trợ kinh phí nuôi giữ giống gốc: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BTC-BNN&PTNT ngày 13/12/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hỗ trợ chăn nuôi lợn thịt có quy mô 500 con trở lên.

a) Điều kiện hỗ trợ:

Cơ sở chăn nuôi lợn thịt có quy mô từ 500 con trở lên xây dựng mới nằm trong quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, được hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành: Xây dựng quy hoạch chi tiết, cơ sở hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đi vào hoạt động. Trường hợp cơ sở lợn thịt có quy mô 500 con trở lên nằm trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đã được hưởng chính sách, tiếp tục mở rộng thêm 500 con trở lên, được hỗ trợ 120 triệu đồng/cơ sở để xây dựng cơ sở hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải; được hỗ trợ sau khi hoàn thành các hạng mục trên và cơ sở đi vào hoạt động.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

* Đối với cơ sở xây dựng mới

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất có ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện; Quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở có diện tích trên 5ha;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mới các hạng mục được hỗ trợ: Chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

* Trường hợp cơ sở tiếp tục mở rộng thêm 500 con trở lên:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mở rộng các hạng mục được hỗ trợ: Chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với chăn nuôi lợn liên kết quy mô vừa và nhỏ

a) Điều kiện hỗ trợ: HTX hoặc THT có từ 10 hộ trở lên chăn nuôi lợn quy mô vừa và nhỏ áp dụng mô hình quy chuẩn được hỗ trợ 01 lần để xây dựng mới chuồng trại. Áp dụng các tiêu chí mô hình tại Kế hoạch 498/KH-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển chăn nuôi quy mô vừa nhỏ theo hình thức liên kết giữa các hộ dân và doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã, Tổ hợp tác giai đoạn 2014-2020 và mẫu thiết kế định hình chuồng trại chăn nuôi lợn quy mô vừa và nhỏ do Sở Nông nghiệp và PTTN ban hành tại Văn bản 5355/SNN-TY ngày 27/12/2014.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng liên kết chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ giữa hợp tác xã, tổ hợp tác với doanh nghiệp;

- Biên bản thả lợn giống có đại diện của UBND cấp xã;

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Hợp đồng hợp tác. Tổ hợp tác có chứng thực của UBND xã.

5. Đối với hỗ trợ chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP.

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi lợn thịt có quy mô từ 500 con trở lên; được hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định.

Điều 22. Chính sách phát triển chăn nuôi bò

1. Sản xuất bò lai Zêbu, bò chất lượng cao.

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

Về định mức vật tư: Trên cơ sở thực tế triển khai thực hiện nhưng không quá định mức quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

Nội dung hỗ trợ mua tinh và vật tư phối giống sản xuất bò lai Zêbu, bò chất lượng cao (tại điểm a khoản 1 Điều 19) và nội dung hỗ trợ kinh phí mua bình đựng, bảo quản tinh cấp phát cho các điểm chuyên giao, mua dụng cụ cấp cho dẫn tinh viên (điểm b, c khoản 2 Điều 19): Trên cơ sở kế hoạch, dự toán của Trung tâm Khuyến nông tỉnh lập và ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính cấp ứng 70% kinh phí để triển khai thực hiện.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

* Hỗ trợ sản xuất bò lai Zêbu, bò chất lượng cao:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua tinh, vật tư (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Bảng tổng hợp danh sách số lượng bò cái có chửa của từng hộ có xác nhận của UBND cấp xã. Bảng tổng hợp kết quả số lượng bò cái có chửa của từng hộ theo từng huyện (TX, TP);

- Biên bản nghiệm thu giữa Trung tâm Khuyến nông tỉnh với Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện;

- Bảng tổng hợp kết quả thực tế vật tư đã sử dụng (tinh, ni tơ...) có xác nhận của từng huyện, thị xã, thành phố.

* Công tác thụ tinh nhân tạo (trâu, bò):

Đối với hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên:

- Văn bằng hoặc Chứng chỉ chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo dẫn tinh viên;

- Văn bản cử đi đào tạo của UBND cấp xã;

- Bản cam kết làm việc và phục vụ với địa phương từ 5 năm trở lên.

Đối với hỗ trợ mua bình đựng và bảo quản tinh; dụng cụ cấp phát cho dẫn tinh viên:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua các loại vật tư trên (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Biên bản giao nhận bình đựng và bảo quản tinh giữa Trung tâm Khuyến nông tỉnh với Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện;

- Biên bản giao nhận dụng cụ cấp phát cho dẫn tinh viên giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện với dẫn tinh viên.

3. Hỗ trợ chăn nuôi bò sữa:

a) Điều kiện hỗ trợ:

Hộ chăn nuôi bò sữa (bò từ 12 tháng tuổi trở lên) liên kết với doanh nghiệp có quy mô từ 03 con trở lên được hỗ trợ 01 lần kinh phí xây dựng chuồng trại, mua con giống, trồng cỏ, xử lý chất thải.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng liên kết chăn nuôi bò sữa giữa hộ với các doanh nghiệp;

- Biên bản thả giống bò sữa giữa hộ với các tổ chức có xác nhận của phòng chuyên môn cấp huyện.

- Hồ sơ lý lịch con giống.

4. Hỗ trợ chăn nuôi bò thịt liên kết với doanh nghiệp (khoản 11 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ:

Cơ sở chăn nuôi bò thịt (nằm trong quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt) liên kết với doanh nghiệp (tối thiểu liên kết 2 khâu giống và tiêu thụ sản phẩm) được hỗ trợ 01 lần kinh phí xây dựng mới chuồng trại (diện tích chuồng tối thiểu 5m²/con, bao gồm cả hành lang và sân chơi), xử lý chất thải (biogas hoặc hố ủ phân có mái che, đủ diện tích lưu trữ đảm bảo phân, nước thải không tràn ra ngoài).

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng liên kết chăn nuôi bò thịt (tối thiểu phải liên kết 2 khâu giống và tiêu thụ sản phẩm) giữa cơ sở chăn nuôi với doanh nghiệp.

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mới các hạng mục được hỗ trợ: chuồng trại, xử lý chất thải (đối với thuê xây dựng). Nếu tự xây dựng thì có Bảng tổng hợp chi phí đã thực hiện và các chứng từ chứng minh chi phí.

- Biên bản thả giống bò thịt giữa cơ sở với doanh nghiệp có xác nhận của UBND cấp xã.

- Báo cáo đánh giá tác môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 23. Chính sách phát triển chăn nuôi gà

1. Chăn nuôi gà giống

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi gà giống cấp bố mẹ trở lên xây dựng mới, có quy mô tối thiểu 10.000 con, nằm trong quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt cung cấp giống cho các hộ chăn nuôi gà thương phẩm trong tỉnh; được hỗ trợ 01 lần sau khi hoàn thành xây dựng quy hoạch chi tiết, chuồng trại, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và đi vào hoạt động.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất có xác nhận UBND cấp huyện; Quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở có diện tích trên 5ha;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý mua gà giống cấp bố mẹ;

- Hồ sơ nguồn gốc con giống: Lý lịch gà giống ghi rõ giống; giống cấp bố mẹ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu nhập ngoại);

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mới các hạng mục được hỗ trợ: Chuồng trại, xử lý chất thải (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng tiêu thụ gà giống thương phẩm (ít nhất 60% lượng giống xuất bán trong năm cho các hộ chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh);

- Cam kết của cơ sở có xác nhận của UBND cấp xã về tiêu thụ gà giống thương phẩm có ít nhất 60% lượng giống xuất bán trong năm cho các hộ chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi gà có quy mô tối thiểu 5.000 con; được hỗ trợ sau khi được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP.

b) Hồ sơ hỗ trợ: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định.

Điều 24. Công tác Thú y

1. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

a) Điều kiện hỗ trợ: Các xã, phường, thị trấn xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo quy định tại Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được hỗ trợ 100 triệu đồng/xã, phường, thị trấn để mua sắm tủ thuốc thú y, xét nghiệm.

Thủ tục đăng ký công nhận vùng cơ sở an toàn dịch bệnh được quy định tại chương III của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN.

b) Hồ sơ hỗ trợ gồm:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật do Cục Thú y cấp;
- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua sắm tủ thuốc thú y; hóa đơn, chứng từ có liên quan;
- Hồ sơ lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, xét nghiệm mẫu và thẩm định điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng lấy mẫu, xét nghiệm; phiếu trả lời kết quả của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền; chứng từ thu phí, lệ phí thẩm định; hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí liên quan.

2. Hằng năm ngân sách tỉnh trích ít nhất 03 tỷ đồng để luôn luôn dự trữ vắc xin các loại dịch bệnh nguy hiểm và hóa chất để chủ động xử lý khi có dịch.

a) Cấp tạm ứng:

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng vắc xin và hoá chất của năm trước và xu hướng tình hình dịch bệnh trong năm, đầu năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) lập dự toán gửi Sở Tài chính kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh cấp ứng trước 70% kinh phí so với tổng nhu cầu dự kiến thực hiện trong năm để mua dự phòng vắc xin, hoá chất; thực hiện cung ứng kịp thời khi dịch mới phát sinh; 30% còn lại được cấp bổ sung sau khi có báo cáo kết quả nội dung đã được hỗ trợ.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị cấp vắc xin, hoá chất khi có dịch xảy ra.

- Quyết toán số lượng vắc xin đã sử dụng để phòng, chống dịch và báo cáo kết quả sử dụng hoá chất (có xác nhận của UBND cấp huyện);

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hoá đơn về mua vắc xin và hoá chất; phiếu nhập, xuất kho;

- Bảng tổng hợp khối lượng vắc xin đã sử dụng để phòng, chống dịch của toàn tỉnh.

3. Hỗ trợ mua hóa chất để xử lý dập dịch đối với dịch bệnh thủy sản nguy hiểm.

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Giống nuôi đã qua kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền; cơ sở nuôi phải khai báo kịp thời với chính quyền và cơ quan thú y khi dịch bệnh xảy ra, không xả nước và thủy sản nuôi bị bệnh chưa qua xử lý ra môi trường; cơ sở nuôi chưa được cấp hóa chất từ các nguồn hỗ trợ khác;

- Có kết luận của cơ quan chuyên môn về loại dịch bệnh thuộc danh mục bệnh nguy hiểm được quy định tại Thông tư số 38/2012/TT-BNPTNT ngày 02/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cấp tạm ứng:

Căn cứ nhu cầu sử dụng hóa chất chống dịch của năm trước và xu hướng tình hình dịch bệnh trong năm, vào đầu quý I hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) lập dự toán đề nghị UBND tỉnh cấp ứng trước 70% kinh phí trong tổng nhu cầu dự kiến thực hiện trong năm để mua dự phòng hoá chất, thực hiện cung ứng kịp thời khi dịch mới phát sinh; 30% còn lại được cấp bổ sung sau khi có báo cáo kết quả nội dung đã được hỗ trợ.

c) Hồ sơ hỗ trợ:

- Đơn đề nghị cấp hoá chất của cơ sở nuôi trồng thủy sản có xác nhận của UBND cấp xã;

- Tờ trình đề nghị cấp hoá chất của UBND cấp huyện;

- Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm mẫu của cơ quan có thẩm quyền đối với các ổ dịch đầu tiên, các ổ dịch chưa có dấu hiệu bệnh lý đặc trưng đối với từng loại bệnh;

- Biên bản kiểm tra xác định bệnh, diện tích, độ sâu nước ao nuôi; Biên bản giám sát xử lý dịch bệnh, gồm có đại diện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện, UBND cấp xã và cơ sở nuôi trồng thủy sản;

- Biên bản thống nhất phương án xử lý dịch bệnh gồm có đại diện lãnh đạo: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện, UBND cấp xã;

- Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng các loại hóa chất giữa Chi cục Chăn nuôi và Thú y và đơn vị cung ứng (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Bảng tổng hợp khối lượng hóa chất đã cấp phát để triển khai dập dịch của toàn tỉnh.

Điều 25. Hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; hệ thống giá giết mổ treo

1. Hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 23

Nghị quyết 90/2014/NO-HĐND.

Được hỗ trợ sau khi hoàn thành xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nhà xưởng, hệ thống xử lý chất thải, mua sắm thiết bị giết mổ và phải đảm bảo các tiêu chuẩn, định mức và điều kiện vệ sinh thú y quy định tại Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

* Đối với hồ trợ cơ sở xây dựng mới nhà xưởng, hệ thống xử lý chất thải, mua sắm thiết bị giết mổ; cơ sở cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, hồ sơ gồm:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng các hạng mục được hỗ trợ: nhà xưởng, hệ thống xử lý chất thải, mua sắm thiết bị giết mổ (chứng từ chứng minh chi phí thực hiện).

* Hồ sơ đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giữa cơ quan (tổ chức) có thẩm quyền với chủ cơ sở; hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí có liên quan.

2. Hỗ trợ hệ thống giá giết mổ treo (khoản 12 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Lò giết mổ gia súc tập trung đầu tư hệ thống giá giết mổ treo, gồm: Giá treo, giá đỡ, móc treo, bàn pha lóc thịt (bằng inox) và máy tời gia súc... Mỗi hệ thống giá treo phải đảm bảo giết mổ từ 20 con lợn/ngày đêm trở lên.

- Có sử dụng công nhân giết mổ thường xuyên phù hợp công suất (định mức 01 công nhân giết mổ 20 con lợn/ngày đêm).

Hệ thống giá giết mổ treo được hỗ trợ cho tất cả các cơ sở giết mổ (kể cả các cơ sở đã được hỗ trợ theo Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND).

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính (đối với trường hợp mua dây chuyên, thiết bị);

- Bảng tổng hợp các chi phí đã thực hiện lắp đặt dây chuyên, thiết bị và các chứng từ chứng minh chi phí thực hiện (đối với trường hợp tự lắp đặt);

- Hợp đồng thuê công nhân giết mổ theo Luật Lao động hiện hành và công nhân giết mổ phải có giấy khám sức khỏe định kỳ do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp, có chứng chỉ tập huấn về an toàn thực phẩm.

Điều 26. Gỗ nguyên liệu rừng trồng

1. Hỗ trợ trồng rừng sản xuất thâm canh gỗ lớn, trồng rừng bằng cây giống sản xuất từ nuôi cấy mô tế bào, cây bản địa; liên kết trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn.

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hồ sơ thiết kế trồng rừng hoặc phương án trồng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất lâm nghiệp của lô đất thực hiện trồng rừng của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình;

- Hợp đồng liên kết từ khâu trồng đến tiêu thụ giữa tổ chức, cá nhân, hộ gia đình với doanh nghiệp có xác nhận của UBND cấp xã (đối với hỗ trợ trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng các loại keo chu kỳ kinh doanh 10 năm trở lên và đối với hỗ trợ liên kết trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn từ khâu trồng đến tiêu thụ sản phẩm);

- Bảng tổng hợp cây giống mua trồng rừng, kèm theo hoá đơn mua bán giống nếu có (đối với trồng rừng sản xuất thâm canh gỗ lớn, trồng rừng bằng cây giống sản xuất từ nuôi cấy mô tế bào, cây bản địa);

- Giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây giống (đối với trồng các loài cây thuộc danh mục cây trồng chính có yêu cầu xuất xứ và cây sản xuất từ nuôi cấy mô tế bào);

- Giấy chứng chỉ quản lý rừng bền vững của cấp có thẩm quyền (đối với hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC).

2. Hỗ trợ chuyển hoá rừng

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND;

- Rừng trồng đủ điều kiện chuyển hoá là rừng trồng gỗ nhỏ (chu kỳ kinh doanh dưới 7 năm) sinh trưởng, phát triển tốt có khả năng chuyển hoá để cung cấp gỗ lớn (chu kỳ kinh doanh 10 năm trở lên).

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình;

- Bản cam kết của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện chuyển hoá rừng nguyên liệu gỗ nhỏ sang sản xuất kinh doanh rừng gỗ lớn (chu kỳ kinh doanh từ 10 năm trở lên mới được khai thác) có xác nhận của UBND cấp xã.

Điều 27. Hỗ trợ nhà máy chế biến gỗ

1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

2. Hồ sơ hỗ trợ:

- Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, đổi mới công nghệ, thiết bị để chế biến gỗ MDF, ván ghép thanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Dự án nâng cấp, đổi mới công nghệ, thiết bị để chế biến gỗ MDF, ván ghép thanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bảng tổng hợp chi phí mua thiết bị, công nghệ mới (kèm theo hóa đơn tài chính).

Điều 28. Nuôi trồng thủy sản

1. Hỗ trợ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống tôm thẻ chân trắng.

- Cơ sở sản xuất giống tôm thẻ chân trắng có quy mô 500 triệu tôm giống/năm trở lên; cơ sở ương dưỡng 200 triệu tôm giống/năm trở lên; nằm trong vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh thủy sản, Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;

- Hỗ trợ kết cấu hạ tầng như: Nhà xưởng; trạm biến thế; đường điện; đường ống bơm nước vào trại sản xuất, ương dưỡng; hệ thống xử lý nước cấp; hệ thống xử lý nước thải; đường giao thông nội vùng vào khu sản xuất;

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị như: Máy bơm nước biển; máy phát điện; máy nâng nhiệt; máy sục khí và các thiết bị chuyên dụng cho sản xuất, ương dưỡng giống.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án sản xuất, ương dưỡng giống tôm thẻ chân trắng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất có ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở có diện tích trên 5ha; hóa đơn, chứng từ thể hiện giá trị lập quy hoạch chi tiết;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng các hạng mục được hỗ trợ (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có).

2. Hỗ trợ nuôi tôm thâm canh

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Xây dựng mới ao hồ nuôi tôm thâm canh hoặc nâng cấp từ nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi thâm canh có quy mô từ 01 ha trở lên;

- Chính sách chỉ hỗ trợ 01 lần trên một diện tích nuôi trồng;

- Hệ thống ao đầm đảm bảo điều kiện kỹ thuật nuôi tôm thâm canh.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua giống, thiết bị (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Giấy kiểm dịch giống thủy sản của cơ quan có thẩm quyền (đối với mua bán con giống);

- Biên bản thả tôm giống có đại diện của UBND cấp xã.

3. Hỗ trợ sản xuất và cung ứng giống cá:

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Phương án và dự toán kinh phí sản xuất và cung ứng giống cá được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua giống cá bố mẹ (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Văn bản xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy sản) về giống cá bố mẹ đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Tiêu chuẩn ngành số 28TCN 131:1998.

4. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản bằng lồng:

a) Điều kiện hỗ trợ: Tổng thể tích lồng nuôi trồng thủy sản trên một hộ có quy mô 90m³ trở lên (thể tích mỗi lồng ít nhất 15m³), lồng nuôi đạt quy cách theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng mua giống (kèm theo hóa đơn tài chính)

- Biên bản thả giống có đại diện của UBND cấp xã.

5. Hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống cấp, thoát nước thải chung (Khoản 13 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ: Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND vùng nuôi còn phải đáp ứng điều kiện vùng nuôi phải thành lập tổ cộng đồng.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Phương án, thiết kế và dự toán xây dựng hệ thống cấp, thoát nước thải chung của Tổ cộng đồng; Văn bản thẩm định Phương án, thiết kế và dự toán xây dựng hệ thống cấp, thoát nước thải chung của UBND cấp huyện.

- Hợp đồng kinh tế; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (thể hiện được khối lượng đã thực hiện hoàn thành); biên bản thanh lý hợp đồng; hoá đơn tài chính chứng minh các chi phí đã thực hiện. Trường hợp tự thực hiện thì có biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành, hóa đơn tài chính chứng minh chi phí thực hiện.

6. Hỗ trợ chứng nhận VietGAP (Khoản 13 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ:

Các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản phải thực hiện các nội dung theo Quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt tại Việt Nam (VietGAP).

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng thuê đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

7. Hỗ trợ đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường (Khoản 13 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ:

Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc có kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản kế hoạch bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giữa cơ quan (tổ chức) có thẩm quyền với chủ cơ sở; hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí có liên quan.

- Hợp đồng thuê đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Hỗ trợ cho thuê đất để nuôi tôm thâm canh (Khoản 13 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ cho người cho thuê đất, thời gian cho thuê từ 5 năm trở lên; diện tích cho thuê từ 5ha trở lên; nằm trong vùng quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất của cơ sở nuôi tôm quảng canh cho thuê lại đất.

- Hợp đồng thuê đất để nuôi tôm thâm canh giữa các tổ chức, cá nhân cho thuê và người thuê đất.

- Biên bản thả giống có đại diện của UBND cấp xã.

Điều 29. Khai thác thủy sản, hậu cần nghề cá

1. Hỗ trợ đóng mới tàu cá; tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản.

a) Điều kiện hỗ trợ: Tàu có vỏ mới, máy chính là máy mới hoặc máy đã qua sử dụng và đã hoàn thành thủ tục đăng ký, đăng kiểm tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản theo quy định.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

Hỗ trợ lần 1:

- Hợp đồng và biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đóng mới tàu cá (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy phép kinh doanh theo quy định (đối với tàu dịch vụ) còn hiệu lực.

Hỗ trợ lần 2: Thời gian hỗ trợ lần 2 cách lần 1 sau 12 tháng.

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy phép kinh doanh theo quy định (đối với tàu dịch vụ) còn hiệu lực.

2. Hỗ trợ cải hoán tàu cá.

a) Điều kiện hỗ trợ:

Tàu cá trước khi cải hoán có tổng công suất máy chính dưới 90CV/chiếc, sau khi cải hoán có tổng công suất máy chính từ 90CV/chiếc trở lên và hoàn thành thủ tục đăng ký, đăng kiểm tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản theo quy định; công suất máy chính được hiểu là tổng công suất các máy truyền động ra chân vịt.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cải hoán tàu cá thể hiện đầy đủ nội dung, khối lượng, kinh phí thực hiện cải hoán tàu (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá trước khi cải hoán;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, Giấy phép khai thác thủy sản sau khi cải hoán tàu cá còn hiệu lực.

3. Hỗ trợ đào tạo cấp chứng chỉ cho thuyền trưởng, máy trưởng và thuyền viên tàu cá.

Trên cơ sở kế hoạch, dự toán do đơn vị có chức năng đào tạo lập và ý kiến thống nhất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính chủ động cấp ứng 70% kinh phí để triển khai thực hiện.

Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức triển khai đào tạo, tập huấn.

4. Hỗ trợ mua máy thông tin liên lạc (Điểm a Khoản 14 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND).

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 14 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua máy thông tin liên lạc tầm xa có tích hợp định vị vệ tinh kết nối với trạm bờ (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Giấy Chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, Giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực của tàu cá.

5. Hỗ trợ xây dựng hầm bảo quản sản phẩm; xây dựng cơ sở sản xuất nước đá.

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

Đối với xây dựng hầm bảo quản sản phẩm:

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng hầm bảo quản sản phẩm theo công nghệ vật liệu PU (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy phép kinh doanh theo quy định (đối với tàu dịch vụ) còn hiệu lực.

Đối với xây dựng cơ sở sản xuất nước đá:

- Phương án xây dựng cơ sở sản xuất nước đá phục vụ khai thác thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng mới cơ sở sản xuất nước đá (kèm theo hóa đơn tài chính nếu có);

- Bản sao giấy phép đăng ký kinh doanh.

6. Hỗ trợ xây dựng nhà máy chế biến bột cá (Điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị quyết 157/2015/NQ-HĐND)

a) Điều kiện hỗ trợ: Xây dựng mới nhà máy chế biến bột cá có công suất từ 2.000 tấn sản phẩm trở lên phục vụ khai thác thủy sản đảm bảo vệ sinh môi trường tại các khu vực đã được quy hoạch cảng cá.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng lắp đặt dây chuyền thiết bị công nghệ nhà máy chế biến bột cá phục vụ khai thác thủy sản (kèm theo hóa đơn tài chính);

- Bản sao giấy phép đăng ký kinh doanh.

Điều 30. Sản xuất muối sạch

1. Hỗ trợ kinh phí kiên cố hóa kênh mương thủy lợi nội đồng

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Có dự án hoặc phương án, dự toán được UBND cấp huyện phê duyệt;

- Chủ đầu tư chủ động kinh phí triển khai thực hiện, sau khi có khối lượng hoàn thành đạt 70% trở lên thì được cấp ứng không quá 50% tổng kinh phí của khối lượng hoàn thành nêu trên, số còn lại được cấp sau khi công trình hoàn thành đưa vào hoạt động và có báo cáo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

* Hồ sơ cấp ứng:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc phương án, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn; hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí có liên quan.

* Hồ sơ cấp khi hoàn thành:

Ngoài các hồ sơ cấp ứng, bổ sung hồ sơ quyết toán công trình kiên cố hóa kênh mương thủy lợi đồng muối; hóa đơn tài chính, chứng từ có liên quan.

2. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ sản xuất muối sạch.

a) Điều kiện hỗ trợ:

Ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất muối sạch, quy mô 250m² trở lên, sử dụng tấm hấp thụ nhiệt, xây dựng chặt lọc cải tiến đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

b) Hồ sơ hỗ trợ:

Hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng về việc thực hiện ứng dụng công nghệ sản xuất muối sạch giữa đơn vị thực hiện và hộ dân (kèm theo hóa đơn nếu có).

3. Đối với diện tích chuyển đổi từ sản xuất muối sang nuôi tôm

a) Điều kiện hỗ trợ:

~~Diện tích chuyển đổi từ sản xuất muối sang nuôi tôm phù hợp với quy hoạch; hệ thống công trình nuôi đảm bảo quy trình kỹ thuật.~~

b) Hồ sơ hỗ trợ:

- Văn bản cho phép chuyển đổi đất sản xuất muối sang nuôi tôm của cấp có thẩm quyền;

- Phương án chuyển đổi đất sản xuất muối sang nuôi tôm của tổ chức, cá nhân;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với đất đã giao khoán);

- Hợp đồng thuê đất thể hiện mới chuyển đổi từ sản xuất muối sang nuôi tôm (đối với đất chưa giao khoán).

Điều 31. Những nội dung khác

Những nội dung khác không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo đúng Quy định kèm theo Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì ban hành quy định, các văn bản hướng dẫn về một số quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành được nêu tại Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với các đối tượng tỉnh kiểm tra và cấp kinh phí hỗ trợ trực tiếp;

c) Hằng năm, lập kế hoạch về khối lượng nhiệm vụ cụ thể, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo hướng lồng ghép các nguồn vốn, gửi Sở Tài chính tổng hợp;

d) Phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chính sách;

e) Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, phúc tra kết quả triển khai thực hiện chính sách của UBND cấp huyện;

g) Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn hằng năm.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách tỉnh hằng năm. Đồng thời chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí lồng ghép nguồn kinh phí thực hiện chính sách từ các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, phúc tra kết quả triển khai thực hiện chính sách của UBND cấp huyện;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo Quy định này vào dự toán ngân sách cấp huyện hằng năm;

d) Căn cứ dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khả năng ngân sách tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hằng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện chính sách hằng năm.

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn việc lập quy hoạch mặt bằng sử dụng đất và thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết đối với các dự án trên 5ha phải lập quy hoạch chi tiết theo đúng quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính hằng năm ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để thực hiện một số đề tài, dự án, xây dựng các mô hình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện các chính sách về đất đai và bảo vệ môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và chính quyền các cấp hướng dẫn, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

7. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách có hiệu quả, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

8. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

a) Chủ động bố trí ngân sách cấp huyện đảm bảo mức 10% trên tổng kinh phí thực hiện chính sách hằng năm của địa phương;

b) Chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt đối với các nội dung hỗ trợ cho đối tượng là hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân theo quy định; báo cáo UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan;

c) Chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn và chính quyền cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất, giải quyết nhanh các thủ tục hành chính cho các đối tượng trong quá trình lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách theo đúng quy định;

d) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hằng năm theo đúng quy định;

đ) Hằng năm lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

e) Hằng năm tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, hiệu quả của chính sách nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn;

g) Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định để phục vụ phát triển sản xuất;

h) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn:

- Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này;

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định;

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương, trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách phải báo cáo UBND cấp huyện, UBND tỉnh để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định;

- Định kỳ hằng quý, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND cấp huyện.

9. Trách nhiệm của người sản xuất: Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

10. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hà Tĩnh, các cơ quan thông tin, đại chúng, các cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng Quyết định này để các địa phương, đơn vị, gia đình, cá nhân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan thống nhất tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐAN CHỨC TỊCH**



Lê Đình Sơn